

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
<b>Phần mở đầu</b>	Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Tổng Công ty áp dụng đối với Tổng Công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, chúng tôi, những cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 6 năm 2018 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành bản Điều lệ này với các nội dung sau:	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, chúng tôi, những cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày ... tháng ... năm 2021 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành bản Điều lệ này với các nội dung sau:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 thay thế Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019, hiệu lực từ ngày 01/1/2021; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán đã được ban hành thay thế Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>
<b>Điều 1</b>	“Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;	“Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Luật doanh nghiệp 2020 đã được ban hành và có hiệu lực, thay thế Luật doanh nghiệp 2014;

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
		thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	
	"Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	"Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Luật chứng khoán 2019 đã được ban hành và có hiệu lực, thay thế Luật chứng khoán năm 2016;
	"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán	"Người có liên quan": là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp , khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán	Người có liên quan được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán
	"Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;	"Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp
	"Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty (theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán);	"Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty (theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán);	Khái niệm cổ đông lớn được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán năm 2019 (không còn quy định cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp)
	"Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty" là Quy chế được xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày	"Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty" là Quy chế được xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 116/2020/TT-BTC	Hiện nay, Quy chế nội bộ về quản trị công ty được quy định tại Điều 4 Thông tư 116/2020/TT-BTC (Thông

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
	22/9/2017 của Bộ Tài chính;	ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;	tư số 95/2917/TT-BTC hết hiệu lực)
	Không có quy định giải thích về Vốn có quyền biểu quyết, Cổ đông sáng lập.	Đề nghị Bổ sung thêm các khái niệm “Vốn có quyền biểu quyết”, “Cổ đông sáng lập”: “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tổng công ty cổ phần	Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 33 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020
<b>Khoản 1 Điều 6</b>	Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 800.000.000.000 đồng (Tám trăm tỷ đồng) Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 80.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	VNI đã thực hiện xong thủ tục tăng vốn điều lệ và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC37/KDBH ngày 18/1/2021 ghi nhận Vốn điều lệ của VNI là 1.000 tỷ đồng
<b>Khoản 2 Điều 7</b>	Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty. Cổ phiếu phải có	Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty. Cổ	Luật doanh nghiệp 2020 quy định nội dung cổ phiếu tại khoản 1 Điều 121

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
	đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.	phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.	
<b>Khoản 4 Điều 10</b>	Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp.	Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp.	Luật doanh nghiệp 2020 quy định về cổ phần được quyền chào bán tại Khoản 3 Điều 112
<b>Điểm i Khoản 2 Điều 12</b>	Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp	Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp	Luật doanh nghiệp 2020 quy định nội dung mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại khoản 1 Điều 132
<b>Khoản 3 Điều 12</b>	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 không quy định cổ đông phải nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng mới có các quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ 2018
<b>Điểm b Khoản 3 Điều 12</b>	Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp	Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp 2020 quy định các nội dung liên quan đến việc yêu cầu HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp
<b>Khoản 1 Điều 14</b>	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức	Theo khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020, và Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020;

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
	năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức trực tiếp tại địa điểm ở trên lãnh thổ Việt Nam hoặc bằng hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Trường hợp tổ chức họp trực tuyến, nếu không có thông báo khác, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là trụ sở Tổng Công ty.	
<b>Điểm e Khoản 3 Điều 14</b>	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Theo khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020
<b>Điểm b</b>	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu	Luật doanh nghiệp 2020 quy định về

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
<b>Khoản 4 Điều 14</b>	tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;	tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;	thẩm quyền của Ban Kiểm soát về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại khoản 3 Điều 140
<b>Điểm c Khoản 4 Điều 14</b>	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.	Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thẩm quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại khoản 4 Điều 140
<b>Điểm n khoản 2 Điều 15</b>	Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Luật doanh nghiệp 2020 quy định về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp
<b>Khoản 2</b>	Không có quy định cụ thể về các giao dịch	Đề nghị bổ sung thêm nội dung: Chấp	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
<b>Điều 15</b>	mà Công ty đại chúng được thực hiện phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định cụ thể về các giao dịch mà Công ty đại chúng được thực hiện khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại Khoản 4 Điều 293 ( Luật doanh nghiệp 2014 và Nghị định hướng dẫn Luật doanh nghiệp 2014 không có quy định này)
<b>Khoản 3 Điều 18</b>	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Tổng Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	Bỏ (trong trường hợp Tổng Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) do VNI đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán từ ... Thời hạn gửi thông báo mời họp quy định tại khoản 1 điều 143 Luật doanh nghiệp 2020
<b>Điểm b</b>	Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc	Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc	Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
<b>Khoản 5 Điều 18</b>	nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	2020; Điểm b, Khoản 2 Điều 18 Thông tư 116/2020/TT-BTC không quy định cổ đông phải nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng mới có các quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ 2018
<b>Khoản 1 Điều 19</b>	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (tham dự trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến và bỏ phiếu điện tử) đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Bổ sung thêm trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tuyến
<b>Khoản 1</b>	Không có quy định cụ thể về các phương thức biểu quyết	Đại hội đồng cổ đông có thể được tiến hành họp, bàn thảo và biểu quyết các nội dung cuộc họp bằng phương thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua gửi thư, fax hoặc thư điện tử hoặc bằng phương thức khác theo quy định pháp luật và Quy chế Đại hội.	Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp
<b>Khoản 2 Điều 20</b>	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng hình thức dự họp trực tiếp, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được	Bổ sung thêm thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến



**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
	<p>cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử.</p>	

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
<b>Khoản 7 Điều 20</b>	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.	Luật doanh nghiệp 2020 quy định hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tại Khoản 8 Điều 146
<b>Điều 25</b>	Không quy định cụ thể về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	Đề nghị bổ sung thêm khoản 4: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.	Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp
<b>Khoản 2 Điều 25</b>	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị	Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 không quy định cổ đông phải nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng mới có các quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị
<b>Điểm c Khoản 3 Điều 27</b>	Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công	Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng	Luật doanh nghiệp 2020 quy định quyền và nghĩa vụ của HĐQT tại khoản 2 Điều 153 (trừ các trường hợp thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
	ty	Công ty	
<b>Khoản 1 Điều 29</b>	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.	Theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 “Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.” VNI là Công ty đại chúng nên cần bổ sung quy định này (Luật doanh nghiệp năm 2014 không có quy định này)
<b>Khoản 2 Điều 37</b>	Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên tại Khoản 3 Điều 103
<b>Khoản 1 Điều 38</b>	Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Đề nghị sửa thành: Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát tại Điều 170
<b>Khoản 1 Điều 40</b>	Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các	Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và	Luật doanh nghiệp 2020 quy định về việc công khai các lợi ích liên quan tại Điều 164

**PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VNI**

<b>Điều khoản sửa đổi</b>	<b>Nội dung cũ</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
	quy định pháp luật khác	các quy định pháp luật khác	
<b>Khoản 1 Điều 52</b>	Dấu của Tổng Công ty được khắc và sử dụng theo quy định của Pháp Luật	Dấu của Tổng Công ty được khắc hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, và được sử dụng trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.	Luật doanh nghiệp 2020 quy định về dấu của doanh nghiệp tại Điều 43
<b>Khoản 2 Điều 52</b>	Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Hội đồng quản trị quyết định sử dụng và quản lý dấu khắc và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung dấu hình thức chữ ký số